

## **PART 3: CÂU HỎI VỀ CHỦ ĐỀ, MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC HỘI THOẠI**



# 1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Câu hỏi thông tin tổng quát thường là **câu hỏi đầu tiên** trong số 3 câu mỗi đoạn hội thoại, yêu cầu người nghe phải nắm được vấn đề đang được bàn luận, nói đến trong đoạn hội thoại.
- Thông tin để trả lời câu hỏi này sẽ nằm ở **phần đầu** của cuộc hội thoại.

- Các câu hỏi thông tin chung thường là:
  - What are the speakers (mainly) **discussing**?
  - What is the man/ the woman **concerned about**?
  - What is the **problem**?
  - **Why** does the man/ the woman call?
  - What is the **reason** for John's call?

## **2. PHÂN TÍCH VÍ DỤ**

- Example 1:

**Q: What are the speakers discussing?**

Người nói đang bàn luận việc gì?

**(A) A fundraiser**

Một buổi gây quỹ

**(B) A health fair**

Một hội chợ về sức khỏe

**(C) A facility tour**

Một chuyến tham quan nhà máy

**(D) A business trip**

Một chuyến công tác

- Example 1:

**Q: What are the speakers discussing?** => Dạng câu hỏi về chủ đề, mục đích

Người nói đang bàn luận việc gì?

=> Nghe thông tin ở những câu đầu tiên

**(A) A fundraiser**

Một buổi gây quỹ

**(B) A health fair**

Một hội chợ về sức khỏe

**(C) A facility tour**

Một chuyến tham quan nhà máy

**(D) A business trip**

Một chuyến công tác

- Example 1:



**Q: What are the speakers discussing?**

Người nói đang bàn luận việc gì?

**(A) A fundraiser**

Một buổi gây quỹ

**(B) A health fair**

Một hội chợ về sức khỏe

**(C) A facility tour**

Một chuyến tham quan nhà máy

**(D) A business trip**

Một chuyến công tác



- Example 1:

Woman: Takumi, I'm planning to attend **the company health fair** on Monday.

Would you be interested in going together?

Man: Oh, I'm on vacation next week. I did go last year-it was really great. I learned some exercises and stretches that are helpful for office workers like us. I still do them every day.

**Q: What are the speakers discussing?**

Người nói đang bàn luận việc gì?

**(A) A fundraiser**

Một buổi gây quỹ

**(B) A health fair**

Một hội chợ về sức khỏe

**(C) A facility tour**

Một chuyến tham quan nhà máy

**(D) A business trip**

Một chuyến công tác

- Example 1:

Woman: Takumi, I'm planning to attend

=> Nói về dự định

the company health fair on Monday.

Would you be interested in going together?

Man: Oh, I'm on vacation next week. I did go last year-it was really great. I learned some exercises and stretches that are helpful for office workers like us. I still do them every day.

**Q: What are the speakers discussing?**

Người nói đang bàn luận việc gì?

**(A) A fundraiser**

Một buổi gây quỹ

**(B) A health fair**

Một hội chợ về sức khỏe

**(C) A facility tour**

Một chuyến tham quan nhà máy

**(D) A business trip**

Một chuyến công tác

- Example 1:

Woman: Takumi, I'm planning to attend

=> Nói về dự định

the company health fair on Monday.

Would you be interested in going together?

Man: Oh, I'm on vacation next week. I did go last year-it was really great. I learned some exercises and stretches that are helpful for office workers like us. I still do them every day.

**Q: What are the speakers discussing?**

Người nói đang bàn luận việc gì?

**(A) A fundraiser**

Một buổi gây quỹ

**(B) A health fair**

Một hội chợ về sức khỏe

**(C) A facility tour**

Một chuyến tham quan nhà máy

**(D) A business trip**

Một chuyến công tác

- Example 2:

**Q: What problem is the woman reporting?**

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

**(A) An accounting error has been made.**

Lỗi kế toán

**(B) A printer is out of order.**

Máy in hỏng

**(C) Some office supplies have been used up.**

Hết văn phòng phẩm

**(D) A document has become lost.**

Mất tài liệu

- Example 2:

**Q: What problem is the woman reporting?**

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

**(A) An accounting error has been made.**

Lỗi kế toán

**(B) A printer is out of order.**

Máy in hỏng

**(C) Some office supplies have been used up.**

Hết văn phòng phẩm

**(D) A document has become lost.**

Mất tài liệu

**Lưu ý:** đọc **nhANH** và nhớ **ngẮN gỌN** các đáp án để tránh mất thời gian và bị lẫn lộn thông tin. Mặc dù đáp án viết dưới dạng 1 câu dài nhưng ta chỉ cần nhớ **ý CHÍNH**.

- Example 2:



**Q: What problem is the woman reporting?**

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

**(A) An accounting error has been made.**

Lỗi kế toán

**(B) A printer is out of order.**

Máy in hỏng

**(C) Some office supplies have been used up.**

Hết văn phòng phẩm

**(D) A document has become lost.**

Mất tài liệu

- Example 2:

Woman: Hello, this is Kelly in the accounting department. **The ink cartridge in the printer on the fourth floor has run out.** Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

**Q: What problem is the woman reporting?**

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

**(A) An accounting error has been made.**

Lỗi kế toán

**(B) A printer is out of order.**

Máy in hỏng

**(C) Some office supplies have been used up.**

Hết văn phòng phẩm

**(D) A document has become lost.**

Mất tài liệu

- Example 2:

Woman: Hello, this is Kelly in the accounting department. **The ink cartridge in the printer on the fourth floor has run out.** Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

**Q: What problem is the woman reporting?**

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

**(A) An accounting error has been made.**

Lỗi kế toán

**(B) A printer is out of order.**

Máy in hỏng

**(C) Some office supplies have been used up.**

Hết văn phòng phẩm

**(D) A document has become lost.**

Mất tài liệu



- Example 2:

Woman: Hello, this is Kelly in the accounting department. **The ink cartridge in the printer on the fourth floor has run out.** Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

**Q: What problem is the woman reporting?**

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

**(A) An accounting error has been made.**

Lỗi kế toán

**(B) A printer is out of order.**

Máy in hỏng

**(C) Some office supplies have been used up.**

Hết văn phòng phẩm

**(D) A document has become lost.**

Mất tài liệu

**Kết luận:** So sánh example 1 và 2, ta thấy được cùng là dạng câu hỏi về chủ đề mục đích nhưng:

- Example 1: từ khóa trong bài và trong câu hỏi **trùng** nhau. Các đáp án **ngắn** và dễ nhớ.
- Example 2: từ khóa trong bài và trong câu hỏi được **paraphrase toàn bộ**. Các đáp án là câu **dài**.

**Kết luận:** So sánh example 1 và 2, ta thấy được cùng là dạng câu hỏi về chủ đề mục đích nhưng:

- Example 1: từ khóa trong bài và trong câu hỏi **trùng** nhau. Các đáp án **ngắn** và dễ nhớ.

- Example 2: từ khóa trong bài và trong câu hỏi được **paraphrase toàn bộ**. Các đáp án là câu **dài**.

=> Cần luyện tập đọc hiểu và nghe hiểu thông tin thay vì nhớ và chờ nghe key word.

### **3. LƯU Ý TRÁNH BẦY**

- Thông tin nhiễu

Woman: Hello, this is Kelly in the **accounting** department. The ink cartridge in the **printer** on the fourth floor has run out. Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

**Q: What problem is the woman reporting?**

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

**(A) An **accounting** error has been made.**

Lỗi kế toán

**(B) A **printer** is out of order.**

Máy in hỏng

**(C) Some office supplies have been used up.**

Hết văn phòng phẩm

**(D) A document has become lost.**

Mất tài liệu

- Paraphrase

Woman: Hello, this is Kelly in the accounting department. **The ink cartridge in the printer** on the fourth floor has run out. Do you think you could come to replace it today?

Man: Sure. By the way, can I ask you a favor? I need you to let me know what model the machine is so I can bring the correct one. Actually, I'm not in the office right now, so I can't see what it is.

**Q: What problem is the woman reporting?**

Người phụ nữ báo cáo vấn đề gì?

**(A) An accounting error has been made.**

Lỗi kế toán

**(B) A printer is out of order.**

Máy in hỏng

**(C) Some office supplies have been used up.**

Hết văn phòng phẩm

**(D) A document has become lost.**

Mất tài liệu